TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST. Ngày: 04-5-2020 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con .	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*** **có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ái Hòa;

Ông Ngô Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa**:** Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 673/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp LT, xã LH, huyện TB (nay là khu phố LT, phường LH, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thịnh H, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp LK, xã GL, huyện Trảng Bàng, (nay là khu phố LK, phường GL, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2019, bản tự khai và tại phiên tòa - nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thịnh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GL, huyện TB,

tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, vợ chồng thuê nhà trọ tại Thành phố Hồ Chí Minh để làm đường rác. Khoảng 03 năm sau thì vợ chồng về nhà cha mẹ chồng sống tại ấp LK, xã GL, huyện TB, (nay là khu phố LK, phường GL, thị xã TB) tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn, tính tình vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 09-7-2013 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 17-5-2018, hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh H. Về con chung: Yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thịnh H trình bày:

Anh xác nhận anh và chị T chung sống vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 02 con chung; tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: đồng ý giao chị T nuôi, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H.

Về con chung: Giao chị T tiếp tục nuôi. Buộc anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Lộc nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do mất lòng tin lẫn nhau. Vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh H đồng ý. Do đó, xét tình trạng vợ chồng giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 09-7-2013 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 17-5-2018. Khi ly hôn, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con, anh H cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T; buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.600.000 đồng (mỗi cháu 800.000 đồng/tháng), kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu L, cháu Đ đủ 18 tuổi.

Anh H được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Thịnh H.

Chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Thịnh H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 09-7-2013 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 17-5-2018 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh Nguyễn Thịnh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 09-7-2013 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 17-5-2018 mỗi tháng 1.600.000 đồng (mỗi cháu 800.000 đồng/tháng), kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu L, cháu Đ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015

Anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0017654 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự

6. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX.Trảng Bàng;
- UBND phường Gia Lộc;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm